

**CÔNG TY TNHH PHỤ KIỆN VÀ CÔNG NGHỆ CD TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHỤ KIỆN VÀ CÔNG NGHỆ CD TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CD TECH ACCESSORIES AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CD TECH CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110166470

**3. Ngày thành lập:** 31/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17 Ngõ 14 Phố Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985049638

Fax:

Email: [chiennnguyen3003@gmail.com](mailto:chiennnguyen3003@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                       | 4530     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)                                                                                                                                                                                                                      | 4543     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đầu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659     |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230     |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299 |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511 |
| 13. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512 |
| 14. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                        | 9521 |
| 15. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                 | 9522 |
| 16. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201 |
| 17. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202 |
| 18. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                           | 6311 |
| 19. | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                 | 6312 |
| 20. | Quảng cáo<br>(Trừ hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)                                                      | 7310 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                          | 4690 |
| 22. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                      | 1410 |
| 23. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                | 1430 |
| 24. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                      | 1512 |
| 25. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                  | 1520 |
| 26. | In ấn<br>(Trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)                                                | 1811 |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                     | 1812 |
| 28. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                          | 2610 |
| 29. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                           | 2620 |
| 30. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                  | 2640 |
| 31. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                           | 2750 |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                         | 2790 |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                             | 4791 |
| 34. | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                             | 5820 |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>(Loại trừ cho thuê máy bay)                       | 7730 |
| 36. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                       | 3100 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                              | 3314 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                              | 3319 |

|     |                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 39. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                  | 3320        |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 41. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4741(Chính) |
| 42. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4742        |
| 43. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4751        |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4752        |
| 45. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4753        |
| 46. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4759        |
| 47. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách) | 4762        |
| 48. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771        |
| 49. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ kinh doanh vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)                                                    | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/03/1996 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001096027763

Ngày cấp: 15/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Lạng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bình Lạng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/03/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001096027763

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Lạng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bình Lạng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội